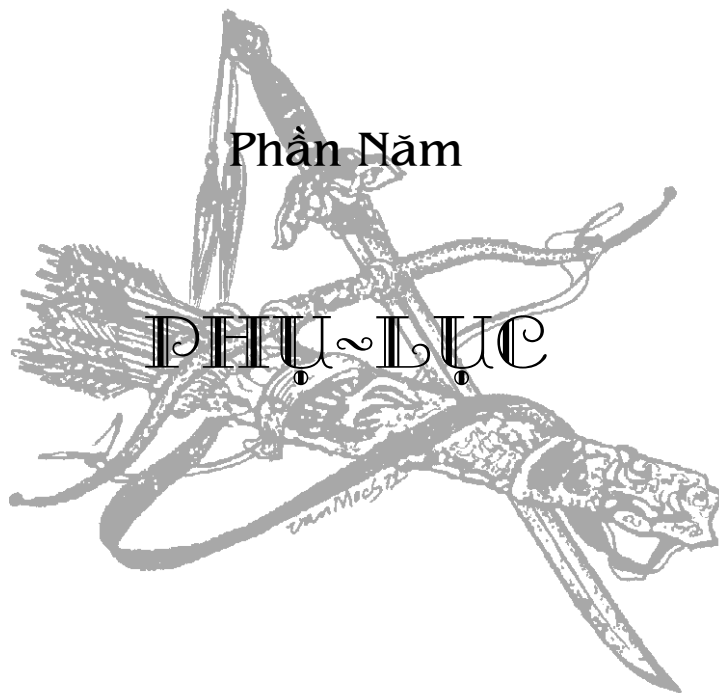


Phân Năm

PHỤ LỤC





TIẾN TRÌNH DỰ ÁN HẢI-SỬ



Trần-trọng-An-Sơn
và Trần-chấn-Hải

Dự án này đã được khai sinh ngay từ nhiệm kỳ của vị Tổng-Hội-Trưởng đầu tiên là Đề-Đốc Lâm-nguơn-Tánh, sau đó Hải-Quân (HQ) Đại-Tá Bùi-Hữu-Thư đã đề ra chương-trình hoạt-động. Với những nỗ-lực vận-động cá-nhân và qua các hội Hải-Quân, Đại-Tá Thư, một số niên-trưởng và anh em Hải-Quân đã đóng góp được một số bài vở với hình-thức bút ký, phỏng-vấn quan-trọng. Các bài này đã được phổ-biến trên đặc-san Tổng-Hội Hải-Quân và Hàng-Hải, đặc-san Lướt Sóng và các đặc-san của các hội HQ địa-phương; đồng thời cuốn sách giới thiệu các chiến-hạm, chiến-đỉnh của Hải-Quân Việt-Nam (HQVN) được Đại-Tá Thư cho phát-hành.

Khi Đô-Đốc Tư-Lệnh Trần-văn-Chơn thoát khỏi trại tù Cộng-Sản qua đến Mỹ, Đô-Đốc Zumwalt đã tiếp-xúc với ông và đề-nghị HQVN nên viết về

cuộc chiến-đấu của mình và ông sẽ giúp đỡ về phần phiên-dịch và đăng trên tạp-chí *US Naval Proceedings* của Hải-Quân Mỹ.

Vào giai-đoạn này, Bà Diệp-Mỹ-Linh, phu-nhân của HQ Trung-Tá Hồ-Quang-Minh, đã đi phỏng-vấn các giới chức Hải-Quân Việt Mỹ, lục-lọi các tài-liệu tại văn-khố, thư-viện và cho phát-hành cuốn *Hải-Quân Việt-Nam Cộng-Hòa Ra Khỏi*.

Thêm vào đó những tác-phẩm của nhà văn Hải-Quân Nguyễn-tấn-Hung đã cống-hiến cho các độc-giả hải ngoại, nhất là anh em Hải-Quân những thích-thú, sảng-khoái về những truyện ngắn di-đỏm, châm-biếm về đời lính thủy.

Cũng vào thời điểm này, nhà văn Phan-lạc-Tiếp cho tái bản cuốn *Bờ Sông Lá Mực*, và phát-hành cuốn *Nỗi Nhớ* là những đóng góp quan-trọng

trong việc cung-cấp tài-liệu cho Hải-Sử.

Cảm hứng với những tác-phẩm trên, anh em Hải-Quân đã cho đăng các bút ký, chuyện ngắn, tùy bút trên đặc-san của các hội Hải-Quân, các khóa và nhất là đặc-san Lướt Sóng.

Tuy nhiên cái ao chung Lướt Sóng cũng rất hạn-chế trong việc lọc lựa bài vở vì một năm phát-hành có ba kỳ, thêm vào đó sự thông-tin liên-lạc giữa các hội Hải-Quân phải tùy thuộc vào đường bưu-diện, điện-thoại khá tốn kém và chậm chạp, nên việc phát động, cổ vũ viết bài, gây quỹ cho Hải-Sử gặp nhiều khó-khăn.

Từ ngày bộ máy điện toán đi vào từng gia-đình và hệ-thống *Internet* được sử-dụng rộng-rãi, cách thức viết bài vở và phát-hành sách trở nên dễ-dàng và thông dụng. *Web site* của Tổng-Hội Hải-Quân được thiết-lập, các bài vở liên-quan đến Hải-Sử được anh Trần-đỗ-Cẩm, *webmaster*, cập nhật thường xuyên. Ngoài ra hệ-thống *email* của Tổng-Hội Hải-Quân và Hàng-Hải đã khiến sự liên-lạc giữa Tổng-Hội và các hội Hải-Quân rất dễ-dàng và nhanh chóng; nhờ đó sinh-hoạt của tập-thể Hải-Quân trở nên năng động hơn.

Sau cuộc họp đầu tiên của Ban Soạn Thảo Hải-Sử (BSTHS) được tổ-chức ngày 14 tháng 6 năm 1998 tại Câu-Lạc-Bộ Hải-Quân Hoàng-Sa, Parcel, Phó-Đề-Đốc Đặng-cao-Thăng được bầu làm Chủ-Tịch Hội-Đồng Hải-Sử, ông Phan-lạc-Tiếp được đề cử làm Trưởng Ban Soạn Thảo Hải-Sử. Lá Thư Lối Vào Hải-Sử đã được Trưởng Ban Soạn Thảo Hải-Sử soạn thảo và phổ-biến rộng-rãi trên các hệ-thống truyền-thông, báo chí, các *web site* trong và ngoài Hải-Quân trên toàn thế-giới. Lời mời gọi sự tiếp tay của các anh em Hải-Quân vào dự-án Hải-Sử của Lá Thư Hải-Sử đã được đáp ứng nồng-nhiệt, cảm động nhất là các thân-hữu ngoài Hải-Quân đã ủng-hộ tinh-thần và tự nguyện cung-cấp tài-liệu và đóng góp cho quỹ Hải-Sử.

Được sự hướng-dẫn của Chủ-Tịch Hội-Đồng Hải-Sử, thêm vào đó những khích-lệ tinh-thần

của Đô-Đốc Tư-Lệnh Hải-Quân Trần-văn-Chơn, Tham-Mưu-Trưởng Diệp-quang-Thủy, công-tác Hải-Sử được tiến hành mạnh-mẽ.

Việc thu thập hình-ảnh cũ cũng là một vấn-đề nan giải vì phần lớn các hình-ảnh bị tiêu hủy sau chiến-tranh. Một số niên-trưởng và anh em Hải-Quân như Đỗ-Kiểm, Bùi-hữu-Thư, Ngô-khắc-Luân, Phạm-mạnh-Khuê, Nguyễn-Ngữ, Hoàng-văn-Thụ, Trần-đại-Trung, Nguyễn-hào-Cường, Phạm-Trãi, Lê-văn-Ngàn, Nguyễn-đình-Nghị, Nguyễn-hoàng-Tâm, Nguyễn-văn-Kiệt, Nguyễn-văn-May còn giữ lại được một số tấm ảnh làm kỷ-niệm cũng gửi đến Tổng-Hội Hải-Quân và Hàng-Hải (THHQHH) để dùng làm ảnh liệ cho Hải-Sử. Những thân-hữu ngoài Hải-Quân như ông Đỗ-Đức ở Pháp, Trần-quan-Võ tại tiểu bang Washington (Hoa-Kỳ) cũng đã cung-cấp một số hình-ảnh và tài-liệu rất hữu ích; đặc-biệt anh Trương-văn-Quang, một nhiếp-ảnh-gia tại Australia, đã không quản ngại công sức cung-cấp cho THHQ hàng trăm tấm hình-ảnh các chiến-hạm, chiến-đỉnh, phù-hiệu HQ. Điều đáng nói lên là thân-phụ của anh Quang: một chiến-sĩ thuộc binh-chủng Nhảy Dù đã hy-sinh vì Tổ-Quốc.

Tiến-sĩ Hà-mạnh-Chí, con trai của HQ Đại-Tá Hà-văn-Ngạc, Hải-Đội-Trưởng Hải-Đội Hoàng-Sa đã chuyển cho Tổng-Hội một số hình-ảnh thao dượt trên sông Sài-Gòn, tạp-chí Lướt Sóng 1974, Đặc-San Cựu Quân-Nhân Hải-Quân do HQ Trung-Tá Richard Ward, USNR, cho mượn sau khi Đại-Tá Ngạc từ-trần. Đích thân Trung-Tá Ward đã gửi lời khích-lệ cho dự-án Hải-Sử và nhấn mạnh Hải-Sử rất cần cho thế-hệ con cháu Hải-Quân Việt-Nam.

Một sự tình-cờ ngẫu-nhiên sau khi làm quen trên *Internet*, HQ Đại-Tá William D. Parsons, hưu, đã cho mượn một số hình quan-trọng khi ông là cố-vấn cho HQ 604 và HQ 331. Robin L. Rielly, con trai của một cựu quân-nhân HQ Hoa-Kỳ, tác-giả cuốn *Mighty Midget at War* cũng đã cung-cấp một số ảnh liệ về các loại giang-pháo-hạm và trợ chiến hạm.

Ngoài ra công việc đánh máy bài vở cũng là

một vấn-đề nan giải. Những bài viết đã đánh máy sẵn cần soát lại lỗi chính tả, những bài chưa đánh máy cần được đánh máy. Tìm một đả-tự-viên quả là đầy bể mò kim. May sao, Trung-Tá Lục-phương-Ninh, thuộc Đơn Vị 101, mặc dù tuổi đã cao, thấy công việc của anh em Hải-Quân làm, ông rất thích thú và nhận giúp cho phần đánh máy. Đêm đêm ông thức thật khuya bên máy điện toán, dán mắt vào các bài viết rất khó đọc, nhất là những chữ viết tay của ông Phan-lạc-Tiếp, đánh từng chữ vào bộ nhớ. Ông không nhận thù lao; tuy-nhiên THHQ/HH đã yểm-trợ cho báo Cờ Vàng của Lục-Lượng Cựu Quân-Nhân Hải Ngoại do ông thực-hiện. Cùng quan-tâm trong Dự Án Hải-Sử, trong tình chiến-hữu, Đại-Tá Thủy-Quân Lục-Chiến Cổ-Tấn-Tinh-Châu đã giúp nhiều kinh-nghiệm về kỹ-thuật *graphic design* và cung-cấp cho những tài-liệu và hình-ảnh quý giá.

Đặc biệt nhờ sự quen biết, ông Phan-lạc-Tiếp đã đưa một số bài vở chọn lọc trong Dự Án Hải-Sử lên một số báo đứng-đầu trên toàn nước Mỹ và các nước khác như Pháp, Úc, Canada, Đức. Một sự kiện đáng chú-ý, ông Đoàn-minh-Hóa, chủ-bút tạp-chí *Di Tới*, một tờ báo rất có uy-tín tại Montréal, Canada, đã dành một số đặc-biệt cho Tổng-Hội Hải-Quân một loạt bài Hải-Sử rất có giá-trị tên chủ đề *Lại Mua Về Nguồn*. Tạp-chí *Di Tới* phát-hành khắp thế-giới nên đã nhận được nhiều phản-ứng rất tích-cực thuận lợi cho công-tác Hải-Sử. Anh em Hải-Quân tại Bắc Mỹ, Pháp, Úc và các nước khác rất hãnh-diện và nồng-nhiệt đón nhận số báo hiếm có. Những loạt bài này đã gây một tiếng vang và xúc động cho tập-thể Hải-Quân và đồng-bào hải ngoại. Điển hình là bài viết về *Trận Hải-Chiến Hoàng-Sa* của HQ Đại-Tá Hà-văn-Ngạc, bài *Trận Ba-Rài*, bài *Phỏng-vấn Đô-Đốc Chung-tấn-Cang* của ông Phan-lạc-Tiếp, *HQ 16 và Trận Hải-Chiến Hoàng-Sa* của ông Đào-Dân đã được đón nhận nồng-nhiệt. Không thiếu các học-giả, trí-thức, quân-nhân ngoài Hải-Quân đã có cái nhìn khác, rất thiện cảm với quân-chủng Hải-Quân qua tạp-chí số đặc-biệt này.

Ngày 27 tháng 5 năm 2001, Đô-Đốc Đặng-cao-Thăng triệu-tập một phiên họp Hải-Sử. Trong

phiên họp này HĐHS đã chấp nhận việc từ chức vì lý-do sức khỏe của ông Phan-lạc-Tiếp trong nhiệm-vụ Trưởng Ban Soạn Thảo Hải-Sử. Đô-Đốc Thăng nhận định vai trò của Ban Soạn Thảo Hải-Sử đã chấm dứt và HĐHS sẽ chính thức đảm nhận công-tác Hải-Sử cho đến khi hoàn tất. HĐHS đi đến quyết-định phát-hành cuốn Tuyển Tập Hải-Sử trước tiên và sau đó là cuốn *Lược-Sử Tổ-Chức Hải-Quân*. Tuyển Tập Hải-Sử gồm các bài đã được ban tuyển chọn duyệt đọc và ghi nhận những bài viết có thể đăng, một số chi-tiết đã được đề-nghị tác-giả hiệu đính. Các bài chọn dựa trên tiêu-chuẩn nói lên được những hoạt-động của Hải-Quân, không đề cao thái quá cá-nhân, các đơn-vị. Các sự kiện cần thực, không tiểu-thuyết-hóa hay phóng đại. Ông Phan-lạc-Tiếp được ủy-nhiệm xem xét và đề-nghị các bài vở lên HĐHS. Sau khi được thông qua bởi Hội-Đồng Hải-Sử, các bài vở này sẽ được đăng trong Tuyển Tập Hải-Sử.

Anh Trần-kim-Ngọc đã được giao cho việc trình-bày, sửa lỗi chính tả, văn-phạm cho các bài viết. Anh nỗ-lực làm công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, tế nhị này ngoài giờ mưu sinh với tâm nguyện phải có được một Tuyển Tập thật đẹp và có giá-trị. Vào lúc Tuyển Tập sắp sửa lên khuôn, anh Văn-Mộch, một họa-sĩ có tiếng tăm trong Hải-Quân, đã tự nguyện cống-hiến thì-giờ và công sức cùng hợp-tác với anh Trần-kim-Ngọc. Anh dùng kinh-nghiệm nhiều năm trong ngành in và óc mỹ-thuật trình-bày cho trang bìa và các trang trong; đồng thời giữ vai trò quan-trọng trong kỹ-thuật in và liên hệ với cơ-sở ấn-loát Tuyển Tập.


Từ ngày khởi thủy, Hội-Đồng Hải-Sử và Ban Soạn Thảo Hải-Sử đã có ý-kiến sử-dụng song ngữ Việt Anh cho Hải-Sử; tuy-nhiên việc dịch thuật gặp trở-ngại vì nhiều lý-do, thứ nhất là khả-năng dịch trôi chảy để người Mỹ có thể đọc và hiểu được rất hạn-chế, thứ hai không ai tự nguyện vì công việc này đòi hỏi nhiều thì-giờ, và cuối cùng, trở-ngại không kém gay-go là những danh-từ chuyên-môn Hải-Quân rất khó phiên-dịch đối với những dịch giả ngoài Hải-Quân. Hội-Đồng Hải-Sử đang có phương cách để phân chia công việc dịch thuật

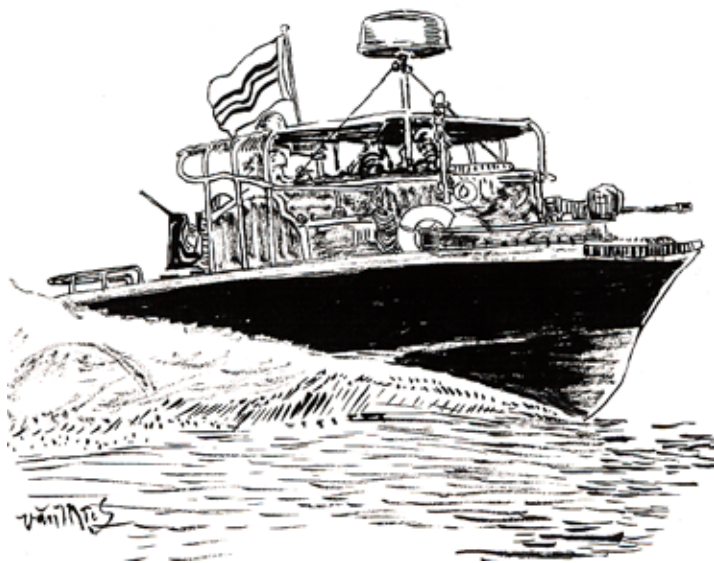
cho từng cá-nhân có khả-năng Anh ngữ cao trong quân-chúng.

Sở dĩ dự-án này không hoàn tất như dự-định, phần lớn là bản chất của công-tác. Bài viết không những chỉ phản ảnh trung thực sự kiện mà còn phải biểu lộ được bản chất của Hải-Quân, của Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa. Chúng ta đã anh-dũng chiến-đấu, nhưng vẫn không xao-lãng lòng nhân-đạo đối với dân, và cũng như cả với đối phương. Riêng đối với gia-đình Hải-Quân, trong khi trình-bày sự thực vẫn không xao-lãng tinh-thần đoàn-kết, đùm bọc giữa quân-nhân các cấp. Vì thế các bài viết bất cứ xuất phát từ đâu, dù đã phổ-biến trước công-chúng hay chưa, đều được Hội-Đồng Hải-Sử xem xét thật cẩn-thận.

Nói chung, càng sưu-tầm, biên-soạn càng thấy công-tác mỗi ngày một nở ra. Lúc đầu dự-trù hoàn tất dự-án trong vòng hai năm, nay đã trên

bốn năm, bài vở đóng góp đã trên 600 trang, với sự hợp-tác của đủ mọi tầng lớp quân-nhân của quân-chúng, từ các vị Đô-Đốc đến các anh em Đoàn-Viên thuộc mọi cấp bậc. Dù không thể nào phản ảnh hết mọi sinh-hoạt của tất cả các đơn-vị Hải-Quân trong hơn 20 năm hoạt-động, nhưng cuốn Hải-Sử cũng tiêu-biểu được những nét chính của Hải-Quân chúng ta trong công cuộc bảo-vệ đất nước. Tuyển Tập Hải-Sử xuất hiện như viên gạch khởi đầu. Hy-vọng từ đó trong tương-lai sẽ có những người khác kế tiếp để hoàn-thành đầy đủ hơn Dự Án Hải-Sử này, cũng như chuyển dịch qua các ngoại ngữ khác.

Là những người thừa-kế và khai-triển Dự Án Hải-Sử, chúng tôi xin đa-tạ sự hướng-dẫn quý-báu của quý vị Đô-Đốc, quý vị niên-trưởng cùng tất cả quý thân-hữu và anh chị em Hải-Quân và Hàng-Hải đã đóng góp bài vở, cũng như hỗ-trợ xa gần giúp cho Tuyển Tập này được hoàn-thành. 



SOẠN THẢO HẢI-SỬ

Đặng-cao-Thăng

Cách đây hơn một năm, do lời mời của anh Trần-chấn-Hải, Tổng-Hội-Trưởng Hải-Quân và Hàng-Hải (THHQ/HH), một số sĩ-quan và đoàn-viên đến họp tại Câu-Lạc-Bộ Hải-Quân Westminster để bàn về việc soạn thảo Hải-Sử.

Trong buổi họp, anh Hải đã nhắc lại đề-nghị anh Phan-lạc-Tiếp, một nhà văn Hải-Quân được nhiều người biết và là một người đã viết khá nhiều về Hải-Quân hồi còn ở Việt-Nam làm Trưởng Ban Soạn Thảo Hải-Sử, anh Tiếp đã ngần-ngại rất lâu; điều này cũng dễ hiểu, vì soạn thảo Hải-Sử là một dự-án khá lớn, đòi hỏi rất nhiều thì-giờ và cố-gắng trong khi anh còn đi làm và đã có một số cam-kết với các nhà xuất-bản về các tác-phẩm tương-lai. Với sự khuyến-khích của mọi người hiện diện, anh đã đồng ý nhưng đề-nghị thành-lập một Hội-Đồng Hải-Sử để giúp đỡ và cố-vấn trong công cuộc soạn thảo Hải-Sử. Đề-nghị này được hội-nghị chấp-thuận, và tôi, trong quá-khứ là người có thâm-niên nhất trong hội-nghị, được mời làm

chủ-tịch Hội-Đồng Hải-Sử. Sau một thoáng do-dự, tôi đã nhận lời.

Đã gần 25 năm, từ ngày chúng ta phải rời quê-hương và bỏ tàu, chúng ta chưa có một tác-phẩm nào kể lại một cách tổng thể về tổ-chức, thi-hành nhiệm-vụ, và sự bành-trướng Hải-Quân để bảo-vệ quê-hương, chống các nỗ-lực xâm-lãng của Cộng-Sản Việt-Nam. Cũng đã có những hồi ký, bút ký của các cây viết Hải-Quân đăng rải-rác trên báo, tập san nói về một số kinh-nghiệm giới-hạn trong một giai-đoạn giới-hạn của lịch-sử Hải-Quân Việt-Nam. Có lẽ tác-phẩm độc nhất có tính-cách tổng-quát nhưng chỉ giới-hạn vào giai-đoạn chót của Hải-Quân là cuốn “*Chuyến Ra Khơi Cuối Cùng của Hải-Quân Việt-Nam Cộng-Hòa*” của nhà văn Điệp-Mỹ-Linh.

Hải-Quân của chúng ta trong giai-đoạn chót có một quân-số 40.000. Một quân-số rất đáng kể trong tất cả các Hải-Quân lớn trên thế-giới. Hải-Quân Pháp, một quốc-gia có bờ biển rất dài, có

những quyền-lợi ở trên nhiều lục-địa và hải-đảo, mà cũng chỉ có 60.000 người.

Chúng ta có những hoạt-động ngoài biển như tuần-dương, tuần-duyên, hải-tuần và đặc-biệt các hoạt-động trong sông mà không có Hải-Quân nào có. Tôi chắc là chỉ một số ít quân-nhân Hải-Quân biết được hết mọi khía cạnh của Hải-Quân. Cuốn Hải-Sử trước hết sẽ giúp chúng ta biết thêm những điều về Hải-Quân mà chúng ta chưa biết. Con cháu chúng ta cũng sẽ có tài-liệu để tìm hiểu cha ông chúng làm gì trong một chiều dài cuộc chiến hơn 20 năm, những thử-thách, cố-gắng, mệt nhọc, hy-sinh của chúng ta; các gương anh-dũng tuyệt vời của một số chiến-hữu chúng ta. Tài-liệu cũng phản lại các luận điệu xuyên tạc đầy dẫy trong các thư-viện đại-học-đường về cuộc chiến của chúng ta. Những người ngoại quốc khi đọc và suy nghĩ sẽ có cái nhìn công-bằng về cuộc chiến đó.

Sau khi nhận lời làm chủ-tịch Hội-Đồng Hải-Sử, tôi đã mời một số sĩ-quan và cựu đoàn-viên thâm-niên cũ của Hải-Quân từng giữ những chức-vụ chỉ-huy và tham-mưu quan-trọng khi xưa để tham-gia Hội-Đồng. Các vị như cựu Đô-Đốc Vũ-đình-Đào, các cựu Đại-Tá Phan-văn-Cổn, Phạm-mạnh-Khuê, Võ-Sum, Nguyễn-ngọc-Quỳnh, Tiến-Sĩ Nguyễn-tiến-Ích, anh Đặng-thanh-Long và anh Nguyễn-văn-Hiền, ngoài ra có Bác-Sĩ Trần-ngươn-Phiêu, cựu Trưởng Phòng Quân-Y của Hải-Quân, ở xa không tham-dự thường xuyên, nhưng đã có các giúp đỡ tích-cực cho Hội-Đồng Hải-Sử.

Cũng sau buổi họp anh Phan-lạc-Tiếp đã viết bài “*Lối vào Hải-Sử*” đăng trong báo Lướt Sóng và Web Page của THHQ/HH coi như lời “phát thính không” để kêu gọi các cựu chiến-hữu Hải-Quân mọi cấp tích-cực tham-gia vào công cuộc soạn thảo Hải-Sử.

Hội-Đồng Hải-Sử cùng với ban soạn thảo Hải-Sử, tạm thời quyết-định nội dung của Hải-Sử như sau:

Phần I: Bối cảnh của sự hình thành Hải-Quân Việt-Nam, tổ-chức, thi-hành nhiệm-vụ vừa

chiến-đấu vừa bành-trướng cả về phương-tiên lẫn nhân-viên.

Phần II: Hoàng-Sa và Tây-Sa (Trường-Sa), đặc-biệt nhấn mạnh về cuộc chiến-đấu chống Trung-Cộng để bảo-vệ Hoàng-Sa. Tôi nghĩ là Hải-Quân Việt-Nam đã làm một chuyện phi-thường khi với những phương-tiện ít ỏi hơn, chúng ta đã cố-gắng để ngăn chặn sự xâm-lăng của một cường quốc lớn vào loại nhất tại địa-phương và trên thế-giới. Tuy không thành-công, nhưng chúng ta chắc-chắn đã khiến cho kẻ xâm-lăng phải nể-nang. Hành-động của Hải-Quân Việt-Nam đã khác biệt biết bao với hành-động cúi đầu dâng đất cho địch của Cộng-Sản Việt-Nam.

Phần III. Hoạt-động sông. Đây là một hoạt-động đặc-thù của quân-chúng chúng ta, trong đó các chiến-sĩ của ta thường xuyên đối-diện với quân thù, và cản trở rất nhiều sự xâm-lăng phá hoại của Cộng-Sản Bắc-Việt tại các vùng sông ngòi.

Phần IV. Hoạt-động biển, nói về các hoạt-động cổ-điển của Hải-Quân, tuần-tiểu ngăn chặn địch, những lần tiêu-diệt tàu xâm nhập của địch. Cũng nói đến sự kiểm-soát di-chuyển của địch trong vùng cận duyên qua các Lực-Lượng Hải-Thuyền, các đài kiểm-báo v.v... Trong phần này cũng có đề cập đến các hoạt-động đặc-biệt khác như hoạt-động Hải-Tuần xâm nhập, phá hoại địch trên phần đất của chúng.

Phần V. Các hoạt-động yểm-trợ, như Huấn-Luyện, Sửa Chữa, Tiếp-Liệu, Dân-Sự-Vụ, và các đóng góp vào các công-tác yểm-trợ nền kinh-tế quốc-gia.

Câu hỏi đã được đặt ra là chúng ta dùng chữ Hải-Sử có to tát, tham-vọng quá đáng không?

Thật ra ý-niệm soạn thảo Hải-Sử đã có từ lâu, ít nhất là cũng từ khi lập ra THHQ/HH, cách đây khoảng 10 năm. Cũng như đã trình-bày ở trên, đã gần 25 năm, chúng ta vẫn chưa có một cuốn sách nói lên được một cách tổng thể về Quân-Chúng của



Phó-Đề-Độc Đặng-cao-Thăng thị-sát hành-quân

chúng ta. Chưa có một sử-gia nào có ý-tưởng, hay chỉ có manh-nha một ý-tưởng để viết ra cuốn sách đó. Tài-liệu viết ra về lịch-sử Hải-Quân Việt-Nam chắc-chắn không có nhiều, chỉ rải-rác ở văn-khố của Hoa-Kỳ hoặc của Pháp. Nhưng những tài-liệu có nhiều nhất và chi-tiết nhất nằm trong trí nhớ chúng ta. Cần khai-thác các trí nhớ đó trước khi chúng nhạt-nhòa, hoặc bỏ ra đi từ-giã chúng ta (người viết bài thuộc về thế-hệ này).

Chúng ta sẽ cố-gắng tìm các tài-liệu trong các văn-khố nếu có, chúng ta sẽ khai-thác trí nhớ trong tập-thể chúng ta, kiểm-chứng và so-sánh thường xuyên. Sau đó, chúng ta sẽ sắp xếp lại và viết thành sách. Cũng có người e rằng những hồi tưởng sẽ thiếu trung thực. Có thể, nhưng qua những kiểm-chứng, đối chiếu, và áp dụng sự suy luận thông thường, chúng ta có thể giảm thiểu

được sự thiếu trung thực đó. Nếu các sử liệu có đầy đủ, thì tại sao chúng ta không viết thành một cuốn sách, mà phải chờ người khác viết? Chúng ta có đủ trí-thức và sự lương-thiện để viết ra cuốn sách đó một cách đầy đủ và trung thực.

Tôi cũng xin trình-bày về sự tiến triển về công cuộc soạn thảo. Đã có hai vị Tư-Lệnh Hải-Quân cư ngụ tại California chú-ý, cung-cấp tài-liệu, và hướng-dẫn cho việc soạn thảo. Một số khá nhiều các cựu chiến-sĩ Hải-Quân mọi cấp tham-gia bằng cách gửi tài-liệu, hoặc trả lời các cuộc phỏng-vấn.

Anh Phan-lạc-Tiếp chịu trách-nhiệm tổng-quát việc soạn thảo, và đặc-trách phần hoạt-động sông. Với tư-cách cựu phóng-viên chiến-trường và Trưởng Phòng Tâm-Lý-Chiến Hải-Quân, anh đã theo sát và tường-trình các trận đụng độ giữa

ta và địch.

Hội-Đồng Hải-Sử cùng Ban Soạn Thảo Hải-Sử cũng mời cựu Hải-Quân Trung-Tá Vũ-hữu-San có nhiều công-trình khảo-cứu mối tương-quan của dân tộc với biển cả qua các thời đại, và Hải-Quân Việt-Nam hiện đại, phụ-trách Phần Lược-Sử gồm Bối Cảnh, Hình Thành, Tổ-Chức, Thi-Hành Nhiệm-Vụ của Hải-Quân. Cựu Hải-Quân Thiếu-Tá Trần-đỗ-Cẩm, có nhiều năng-khiếu viết, sưu-tầm, sẽ phụ-trách phần Hoàng-Sa và Tây-Sa (Trường-Sa), lãnh-vực mà anh đã từng nghiên-cứu.

Phần Hải-Quân Biển cũng như Yểm-Trợ Tiếp-Vận, tuy chưa có người chính thức phụ-trách, nhưng tài-liệu gởi về cũng đã nhiều.

Trong mỗi phần sẽ có một hay nhiều chương, mà anh Cẩm gọi là phần Chính Sử, sẽ gồm hoàn-toàn dựa vào các tài-liệu có kiểm-chứng.

Ngoài ra sẽ có những bài viết theo trí nhớ đặt vào các phụ-lục ... Các bài này thuộc phần phụ-lục cũng cần phải dựa trên những sự kiện đã xảy ra, tuyệt đối không phải là các văn-kiện để tự đề cao, mà chỉ để nói về các hoạt-động đáng kể của các đơn-vị cũng như các gương anh-dũng của các cá-nhân.

Các phần của cuốn Hải-Sử hoàn tất chỉ là các dự thảo. Các dự thảo sẽ được chuyển đến các hội Hải-Quân, hoặc các tổ-chức khác như các khóa, nhóm để phê-bình và duyệt thảo trong vòng 6 tháng trước khi ấn-hành. Sự ấn-hành sẽ kèm theo các bản dịch thuật ra Anh ngữ nếu được.

Một anh bạn có nói với chúng tôi: *“Tại làm sao có ít sự tham-dự như thế trong khi nhân-tài của Hải-Quân nhiều như cát trên bãi biển, như sao trên trời. Có chia rẽ, hay tẩy chay chăng?”* Tôi không quan-tâm đến sự e ngại này, đã có nhiều người tham-dự rồi, cũng như nhiều tài-liệu đang được hoặc chuẩn-bị được viết. Và chẳng tại sao lại tẩy chay hoặc chia rẽ? Chúng ta đã thua đậm, mất mát quá nhiều, và hiện đang tứ tán mọi nơi, chẳng lẽ chúng ta vẫn còn mang được tinh-thần bè phái sang đây hay sao? Tôi xin kết thúc bài này với một lời kêu gọi: *“Xin quý chiến-hữu hãy giúp đỡ chúng tôi qua tài-liệu, ý-kiến hay hình-ảnh và dịch thuật dù ít hay nhiều, các sự giúp đỡ đó là những viên gạch xây toà nhà Hải-Sử. Nếu được vậy chúng ta sẽ có một cuốn Hải-Sử mà chúng ta đều có thể hãnh-diện.”*





Commander Richard Ward, USN Retired

CÔNG-TÁC TUẦN-DUYÊN



Commander Richard Ward, USN Retired

HOẠT-ĐỘNG SÔNG NGÒI





Đô-Đốc Chung-tấn-Cang



Quân vận đĩnh



Giàn nổ đĩnh



Giang-tốc-đĩnh



Tuần-giang-đĩnh

HUY-HIỆU ĐƠN-VỊ







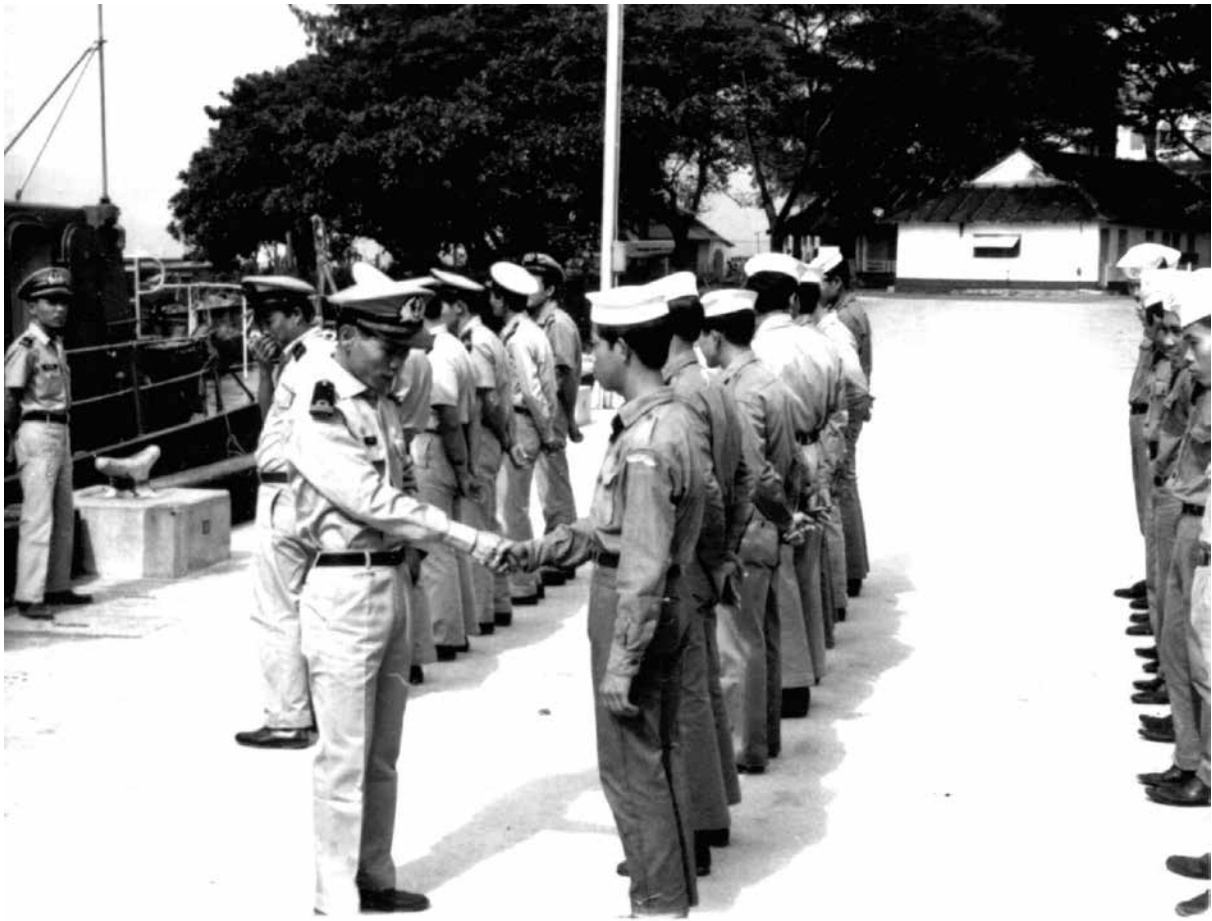




SINH-HOẠT HẢI-QUÂN



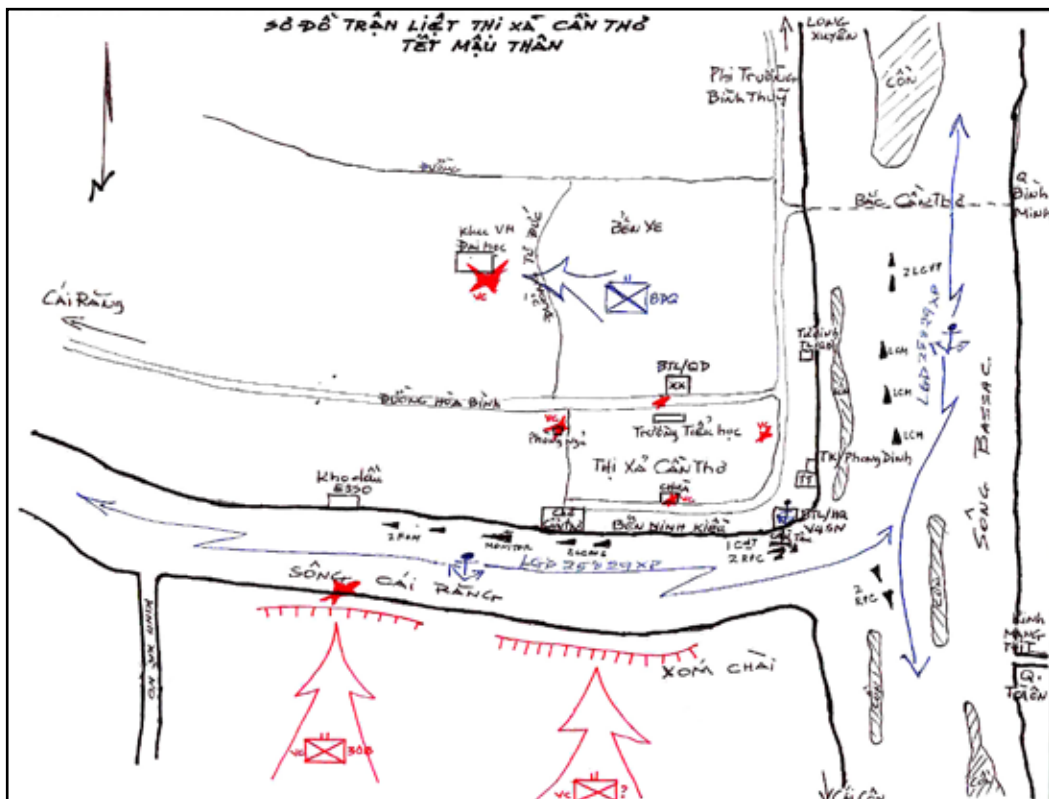




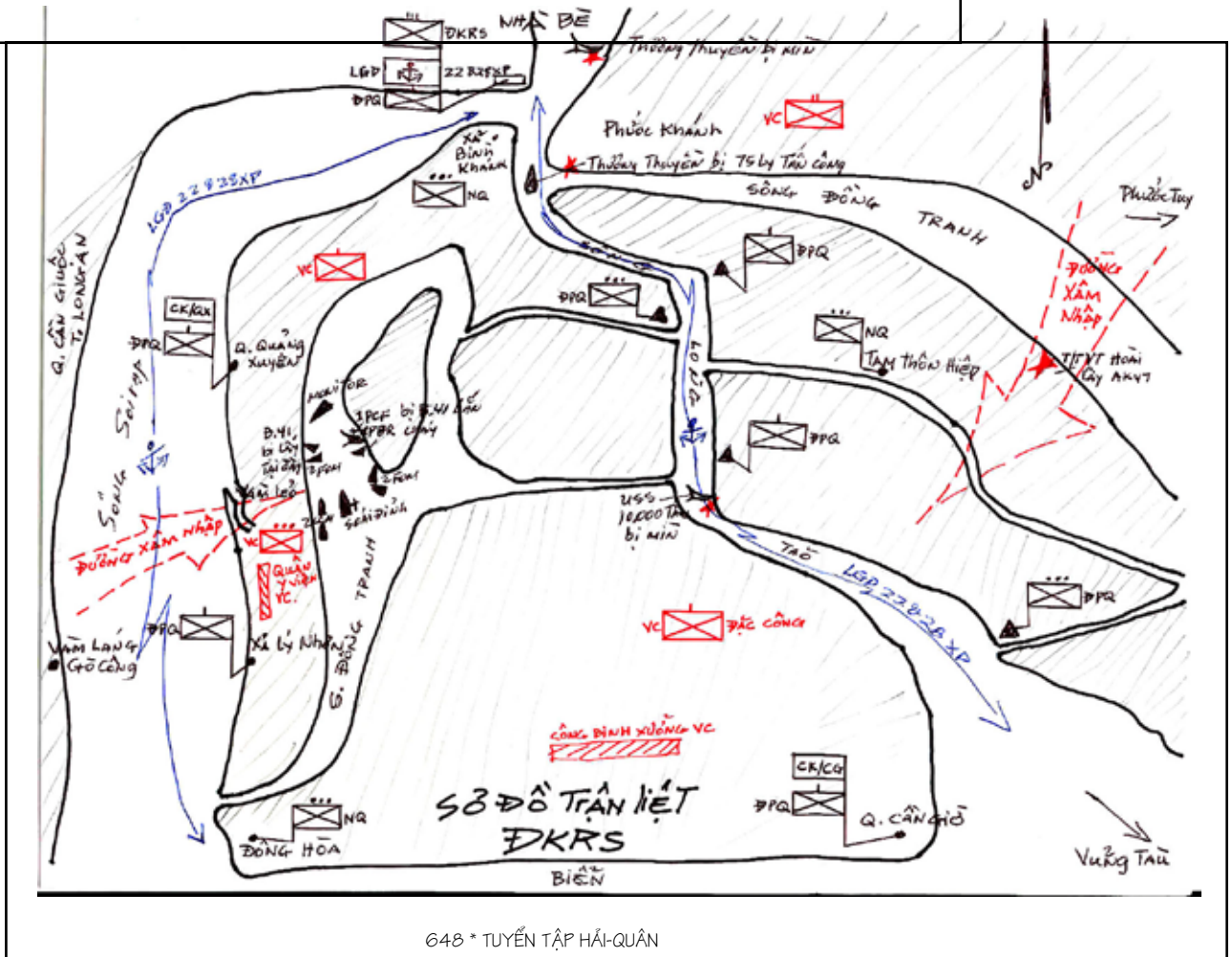
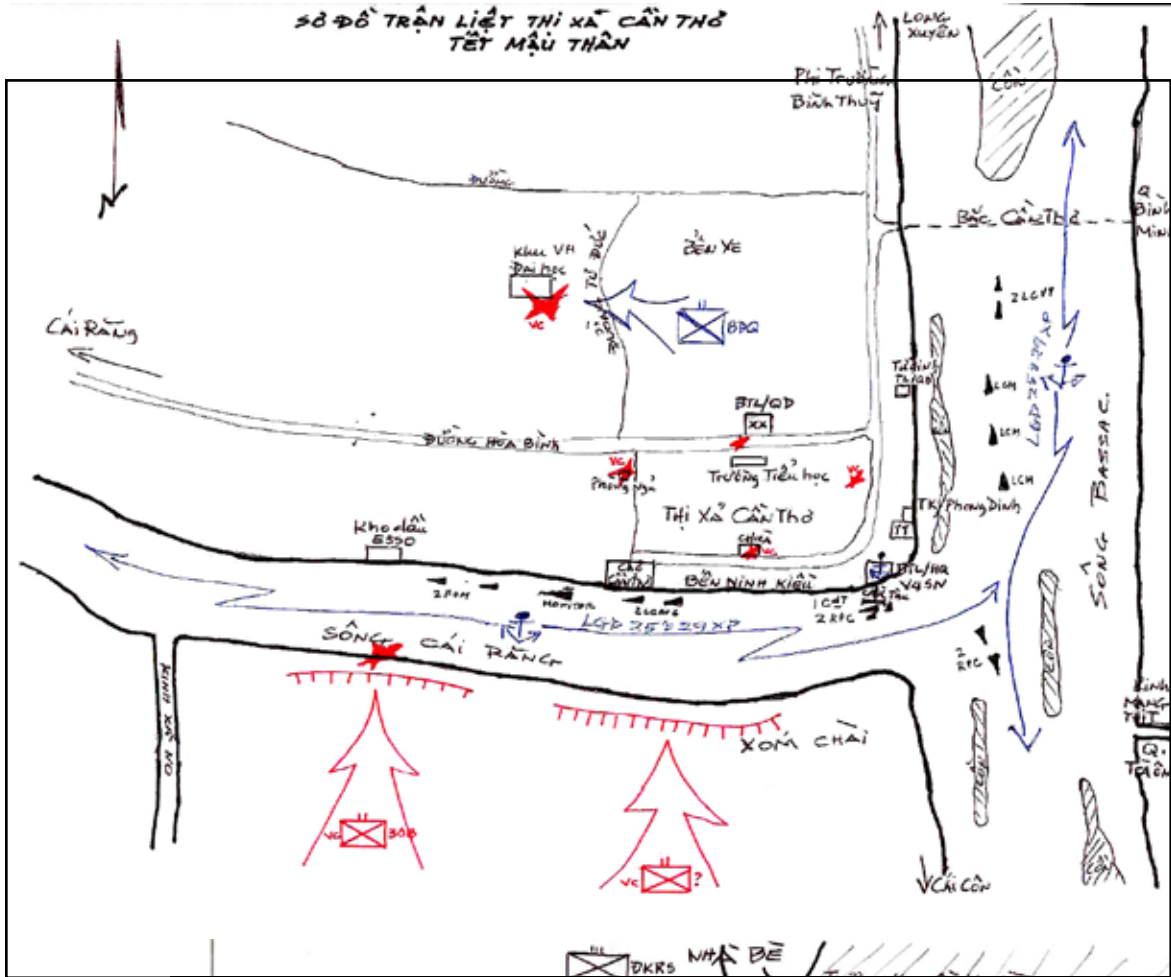


*Sĩ-Quan Khóa 1 Hải-Quân:
Từ trái sang phải: Nguyễn-văn-Lịch, Chung-tấn-Cang, Lâm-nguơn-Tánh, Trần-văn-Chơn, Đoàn-ngọc-Bích, Trần-văn-Phấn*

PHỤ BẢN PHÓNG ĐỒ HÀNH-QUÂN GĐ 25 & 29

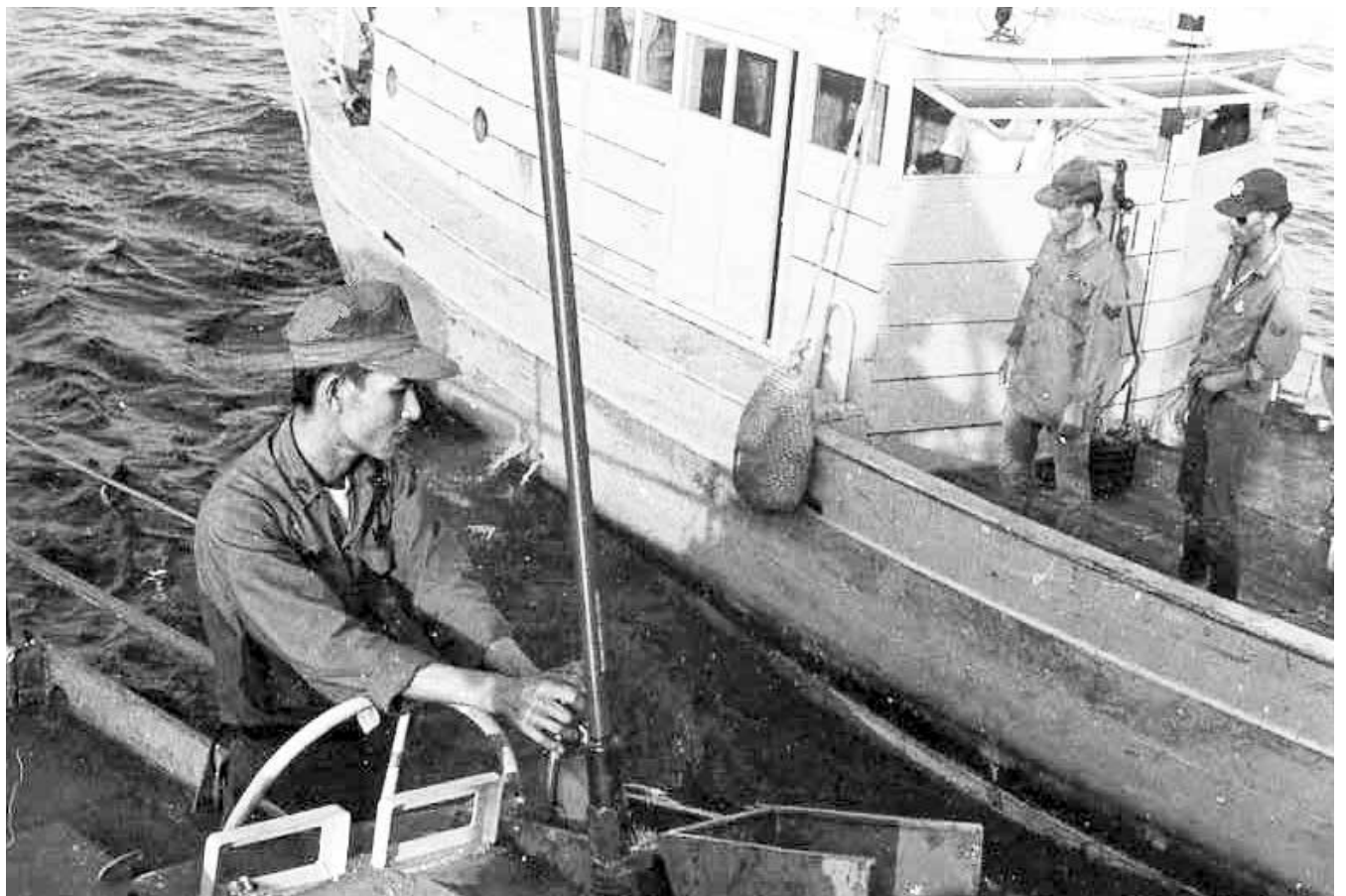


**SƠ ĐỒ TRẬN LIỆT THỊ XÃ CẦN THƠ
TẾT MẬU THẦN**



GHE HẢI-THUYỀN





CHÚ-THÍCH HẢI-SỬ

20: đại-bác 20 ly trang-bị trên các tàu Hải-Quân.
40: đại-bác 40 ly trang-bị trên các tàu Hải-Quân.

A

AAI: cơ-xưởng-hạm.
Academic: văn-hóa.
Academic division: khối văn-hóa-vụ.
ACTOV (Accelerated Turnover to the Vietnamese): chương-trình chuyển giao cấp tốc cho Việt-Nam.
Air and Naval gunfire support superiority: ưu thế không-yểm và yểm-trợ hải-pháo.
Alcool: rượu cồn.
Alpha: danh-hiệu truyền-tin để chỉ chữ A, thường dùng để chỉ giới chức chỉ-huy.
Alpha: ASPB (Assault Support Patrol Boat), trợ-chiến-đỉnh.
AK-47: súng trường bán tự-động và tự-động 7 ly 62 Kalashnikov của Nga. Đây là súng căn bản của quân-đội các nước Cộng-Sản.
Amphibious assault: tấn công thủy bộ.
Amphibious counter-offensive: trận phản công thủy bộ.
Amphibious raid: đột kích thủy bộ.
Amphibious retreat: rút lui thủy bộ, triệt thoái thủy bộ.
AN (Net Laying Ship): tàu thả lưới phòng-thủ.
Antitank 3 (AT3): hỏa-tiến 73 ly tầm nhiệt, chống chiến-xa của Cộng-quân. Tầm hoạt-động hữu-hiệu: 1000 thước. Sức xuyên phá: 40 ly vỏ bọc

chiến-xa.

APB (Self Propelled Barracks Ship): đồn-trú-hạm.
APL (Auxiliary Personnel Lighter): trung-tâm tạm trú nổi.
ARL (Auxiliary Repair Ship, Landing): cơ-xưởng-hạm.
Armored Transport Craft (ATC): quân-vận-đỉnh Tác-Chiến.
Armored Troop Carrier (ATC): Quân-vận-đỉnh tác-chiến.
Assault Support Patrol Boat (ASPB): trợ-chiến-đỉnh.
ASPB (Assault Support Patrol Boat): trợ-chiến-đỉnh
AT: âm thoại.
AT3 (Antitank 3): hỏa-tiến 73 ly tầm nhiệt, chống chiến-xa của Cộng-quân. Tầm hoạt-động hữu-hiệu: 1000 thước. Sức xuyên phá: 40 ly vỏ bọc chiến-xa.
ATC (Armored Troop Carrier, Tango, Armored Transport Craft): quân-vận-đỉnh thủy-bộ.
ATC-Zippo: Douche and Dredge, phóng-thủy-hỏa-đỉnh.
Auxiliary Personnel Lighter (APL): trung-tâm tạm trú nổi.
Auxiliary Repair Ship, Landing (ARL): cơ-xưởng-hạm.

B

B-40 rocket hay B40: súng phóng hỏa-tiến đặt trên

vai của Nga-Sô.
B-41: một loại súng phóng hỏa-tiền của Nga-Sô.
Bá đồ: súng trường của Cộng-Sản.
Bánh bêta: bộc chất nổ.
Barrier-Reef: lũy san-hô.
Battery: bình điện.
BBC: British Broadcasting Center, đài phát-thanh Anh-Quốc.
Beam: đà ngang.
Bít (bitte, tiếng Pháp): trụ đỡ máng dây cột tàu.
BKZ: viết tắt của chữ “bất-khiển-dụng”.
Blanc bec: mỏ trắng, tay mớ.
Bachelor of Science (BS): cử-nhân khoa-học.
B.O.M. (Bulletin Officiel de la Marine): báo-thị hàng-hải.
B.O.Q. (Bachelor officer quarter): cư-xá sĩ-quan độc thân.
Brown Water Navy Operation: chiến-tranh sông ngòi.
BS (Bachelor of Science): cử-nhân khoa-học.
Bulletin Officiel de la Marine (B.O.M.): Báo-thị hàng-hải.

C

Canada (bộ đồ): quân phục làm việc của thủy-thủ Hải-Quân. Áo xanh nhạt, quần ống loa xanh đậm.
Cano (canot, tiếng Pháp): thuyền nhỏ.
Cap St. Jacques: Vũng-Tàu.
CCB (Command Communication Boat): soái-đỉnh thủy-bộ.
Central Intelligence Agency (CIA): Cơ-quan Trung-Ương Tình-Báo Hoa-Kỳ.
Channel: thủy-đạo.
Chief of Naval Operations (CNO): Tư-Lệnh Hải-Quân Mỹ.
Chief Warrant Officer: Thiếu-Tá Đoàn-Viên.
Chinook: trực-thăng chuyển-vận có 2 cánh quạt của Mỹ.
CHP: chỉ-huy-phó.
CHT: chỉ-huy-trưởng.
CIA (Central Intelligence Agency): Cơ-quan Trung-Ương Tình-Báo Hoa-Kỳ.
CIC (Combat Information Center): Trung-Tâm

Chiến-Báo, tức Phòng Hành-Quân.
CINCPAC hay CINPAC (Commander-In-Chief, Pacific): Tư-Lệnh Thái-Bình-Dương.
CINCPACFLT hay CINCPACFLEET: Commander-In-Chief, U.S. Pacific Fleet, Tư-Lệnh Hạm-Đội Thái-Bình-Dương.
CKC: một loại súng trường Nga-Sô.
CNAG/MACV (Military Assistance Command, Vietnam): Bộ Tư-Lệnh Cố-Vấn Quân-Sự tại Việt-Nam, Đoàn Cố-Vấn Hoa-Kỳ.
CNO (Chief of Naval Operations): Tư-Lệnh Hải-Quân Mỹ.
Coast Guard: Lực-lượng Duyên-Phòng của Mỹ; tuần-duyên-định.
Coastal Security Service (CSS): Sở Phòng-Vệ Duyên-Hải.
Coastal Surveillance Center: Trung-Tâm Kiểm-Soát Duyên-Hải.
Coastal Surveillance Force: Lực-Lượng Kiểm-Duyên, Lực-Lượng Tuần-Duyên.
Commandement: soái-đỉnh xung-phong.
Combat Information Center (CIC): Trung-Tâm Chiến-Báo, tức Phòng Hành-Quân.
Combat Salvage Boat (CSB): trực-vớt-đỉnh.
Combi: ống liên-hợp của máy truyền-tin.
Command Communication Boat (CCB): soái-đỉnh thủy-bộ.
Command harmony: Sự đồng nhất chỉ-huy, sự hòa-hợp chỉ-huy.
Command Post: trung-tâm hành-quân.
Commander In Chief (CINPAC hay CINCPAC), Pacific: Tư-Lệnh Thái-Bình-Dương.
Commander-In-Chief Pacific Fleet (CINCPAC-FLEET): Tư-Lệnh Hạm-đội Thái-Bình-Dương.
Commander U.S. Naval Forces, Vietnam (COMNAVFORV): Tư-Lệnh Hải-Quân Hoa-Kỳ tại Việt-Nam.
Commander Task Force (CTF): Tư-Lệnh Lực-Lượng Đặc-Nhiệm.
Commander U.S. Military Assistance Command, Vietnam (COMUSMACV): Tư-Lệnh Viện-Trợ Quân-Sự Mỹ tại VNCH.
Commissariat: Hải-tiếp-vụ của Pháp.
COMNAVFORV (Commander U.S. Naval Forces, Vietnam): Tư-Lệnh Hải-Quân Hoa-Kỳ tại

Việt-Nam.
COMUSMACV (Commander U.S. Military Assistance Command, Vietnam): Tư-Lệnh Viện-Trợ Quân-Sự Mỹ tại VNCH.
Company: đại-đội, phân-đội thủy-thủ-đoàn (trên chiến-hạm).
Concertina: vòng kẽm gai.
Convoi (Pháp): đoàn tàu.
Convoy (Mỹ): đoàn tàu.
Cook: đầu bếp.
Cover: che.
Cối 81: súng bích-kích-pháo 81 ly.
CSB (Combat Salvage Boat): trục-vớt-đỉnh
CSS (Coastal Security Service): Sở Phòng-Vệ Duyên-Hải.
CTF (Commander Task Force): Tư-Lệnh Lực-Lượng Đặc-Nhiệm.
CTF 71 (Commander Task Force 71): Tư-Lệnh Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 71.

Đ

Darken-ship: che tối chiến-hạm.
DAO (Defense Attaché Office): Văn-phòng Tùy-Viên Quân-Sự (Mỹ).
DD: Destroyer, khu-trục-hạm của Mỹ.
Decks: sàn tàu.
Delaying detachment: thành phần cản hậu
DE (Destroyer Escort): hộ-tống-hạm của Mỹ.
Defense Attaché Office (DAO): Văn-phòng Tùy Viên Quân-Sự (Mỹ).
DER 1 (Destroyer Escort and Radar Picket hay Radar Picket Destroyer) : Khu-trục-hạm Trần-Hung-Đạo, HQ 1.
Demilitarized Zone (DMZ) : khu phi quân-sự.
Designed blue prints: Đồ-bản mẫu.
Détente: hòa-hoãn, xả, làm bớt căng thẳng.
Destroyer (DD): khu-trục-hạm của Mỹ.
Dina: Dinassaut, Division Navale d'Assaut (Naval Assault Division), Hải-Đoàn Xung-Phong.
Destroyer Escort (DE): hộ-tống-hạm của Mỹ.
Destroyer Escort and Radar Picket (DER) : khu-trục-hạm tiền-thám.
Dinassaut: Division Navale d'Assaut (Naval Assault Division), Hải-Đoàn Xung-Phong.

Dinassaut 1: Thành-lập năm 1947 tại Bắc-Việt, chỉ-huy-trưởng đầu tiên là HQ Thiếu-Tá Landrot. Chỉ-huy-trưởng kế nhiệm tháng 7 năm 1950 là HQ Thiếu Tá De Brossard. Căn-cứ đầu tiên đặt tại Hải-Phòng, đến tháng 8 năm 1949 di-chuyển về Bảy-Chùa.
Dinassaut 2: Thành-lập tại Nam-Việt tháng 8 năm 1947 dưới quyền chỉ-huy của HQ Thiếu-Tá Léost, hoạt-động trên sông Cửu-Long và sông Sài-Gòn.
Dinassaut 3: Thành-lập năm 1947 tại Bắc-Việt. Chỉ-huy-trưởng là HQ Đại-Úy Garnier, kế nhiệm là HQ Thiếu-Tá Acloque. Căn-cứ đặt tại Nam-Định.
DKZ: đại-bác không giặt.
DMZ (Demilitarized Zone): khu phi quân-sự.
Displacement: bài-thủy-lượng.
Dock Landing Ship (LSD): cơ-xưởng-hạm.
Dormatory: khu nội trú.
Douze Sept: đại-liên 50 (12 ly 7).
ĐPQ: Địa-Phương-Quân.
Draft: độ chìm.
Drummond: đảo Duy-Mộng (trong quần đảo Hoàng-Sa).
Duncan: đảo Quang-Hòa (trong quần đảo Hoàng-Sa).

Đ

Đề pa: départ, đạn bắn đi.
Đèn scott: đèn dùng để chuyển quang-hiệu trên các chiến-hạm và thương-thuyền.
ĐKB: đài kiểm-báo.

Ê

Echo: hồi-ba.
École Navale de Brest: Trường Sĩ-Quan Hải-Quân Pháp.
Engineering: kỹ-nghệ, kỹ-sư, cơ-khí.
Entite: thực-thể tồn sinh.
EOD (Explosive Ordnance Disposal): toán tháo gỡ đạn-dược.
Explosive Ordnance Disposal (EOD): toán tháo gỡ đạn-dược.

Expendable: con cờ thí.

F

F5: một loại phản-lực chiến-đấu cơ của Mỹ.

FM BAR (Browning Automatic Rifle): súng trung-liên.

Foam: vật liệu xốp, nhẹ dùng để đệm.

FOM (Services Techniques des Constructions et Armes Navales / France Outre Mer): tiểu-giáp-đỉnh.

Foot: (số ít); feet: (số nhiều): bộ, một đơn-vị đo chiều dài trong hệ-thống đo lường Anh, Mỹ (bằng 30,4 cm).

Foul Deck Operation: hành-quân dụ địch.

Frame: sườn tàu.

Full: vận-tốc tối-đa, tiến hết.

Fusilier: chiến-binh.

G

G: giờ hoặc múi giờ G.

Garant M1: súng trường của quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa.

GD/TTHQ: Giám-đốc Trung-Tâm Hành-Quân.

Geopolitical goals: mục-tiêu chính-trị toàn cầu.

GMC: quân xa loại lớn dùng trong quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa trong thời-gian 1954 – 1975.

Giò: tiếng lóng để chỉ máy chính của chiến hạm.

H

H (hour, heure): giờ hoặc múi giờ H.

HĐ: hải-đội, hạm đội.

HH: hải-hành.

HO: một chương-trình đưa các cựu quân cán chính của Việt-Nam Cộng-Hòa đã ở tù Việt-Cộng sang Mỹ định cư.

I

Inertia: quán-tính.

Initial construction: kiến-trúc sơ khởi.

Intercom: máy truyền-thông nội bộ.

International Officer Candidate School (IOCS): trường sĩ-quan trừ-bị quốc-tế.

IOCS (International Officer Candidate School): trường sĩ-quan trừ-bị quốc-tế.

J

JCS (Joint Chiefs of Staff): Các Tham-Mu-Trưởng Liên-Quân Mỹ, Bộ Tổng-Tham-Mu Liên-Quân Mỹ.

Jeu (Pháp): trò chơi; ăn jeu: đồng-điệu nhịp-nhàng.

Joint Chiefs of Staff (JCS): Các Tham-Mu-Trưởng Liên-Quân Mỹ, Bộ Tổng-Tham-Mu Liên-Quân Mỹ

K

Kg (kilogramme): kí-lô.

Kiosque: một hàng quán nhỏ bên vệ đường.

Km: kilometre, kilometer, cây-số

Km/H: cây-số/giờ.

Knot: gút hay hải-lý/giờ.

KV31: Khu vực 31 (Vùng III Duyên-Hải)

L

L19: phi-cơ thám-thính loại nhẹ của Không-Quân Việt-Nam Cộng-Hòa.

Landing beach: điểm đầu cầu, bãi ủi.

Landing craft: tiểu-đỉnh.

Landing Craft, Medium hay Landing Craft, Mechanized (LCM): quân-vận-đỉnh.

Landing Craft, Personnel, Large (LCPL): quân-vận-đỉnh lớn.

Landing Craft, Utility (LCU): giang-vận-hạm.

Landing Craft, Vehicle and Personnel (LCVP): tiểu-vận-đỉnh.

Large Harbor Tug (YTB): tàu kéo, tàu dồng.

LCU (Landing Craft, Utility): giang-vận-hạm.

LCM (Landing Craft, Medium hay Landing Craft, Mechanized): quân-vận-đỉnh.

LCPL (Landing Craft, Personnel, Large): quân-vận-đỉnh lớn.

LCVP (Landing Craft, Vehicle and Personnel):
tiểu-vận-đỉnh.
License: chứng-chỉ.
Line officer: sĩ-quan ngành chỉ-huy.
Landing Ship, Infantry, Large (LSIL): giang-pháo-hạm.
Landing Ship, Medium (LSM): hải-vận-hạm.
Landing Support Ship, Large (LSSL): trợ-chiến-hạm.
Landing Ship, Tank (LST): dương-vận-hạm.
LSD (Landing Ship, Dock): tàu ụ nổi.
LSIL (Landing Ship, Infantry, Large): giang-pháo-hạm.
LSM (Landing Ship, Medium): hải-vận-hạm.
LSSL (Landing Support Ship, Large): trợ-chiến-hạm.
LST (Landing Ship, Tank): dương-vận-hạm.

M

M-16: Colt 5.56-caliber rifle, standard US issue, súng trường tự-động của Mỹ.
M-18: một loại súng trường tự-động của Mỹ.
M-60: súng liên-thanh giảm nhiệt bằng không-khí.
Đạn cỡ 7 ly 62 (30 caliber).
M-79: súng phóng lựu.
M-113: thiết-vận-xa kiểu 113.
Magister Post Deum: Chủ tể sau Thượng-Đế (để chỉ vị hạm-trưởng).
MAAG (Military Assistance Advisory Group): Phái bộ Cố-Vấn Quân-Sự Mỹ.
MACV (Military Assistance Command Vietnam): Bộ Tư-Lệnh Cố-Vấn Quân-Sự Hoa-Kỳ tại Việt-Nam.
Machine tool: đồ nghề cơ-khí.
Management: sự quản-trị.
Maritime Operation Group (MAROP): Toán Hành-Quân Đường Biển.
Market Time: một cuộc hành-quân của HQ Mỹ chống CS miền Bắc xâm-nhập vào VNCH bằng đường biển.
MAROP (Maritime Operation Group): Toán Hành-Quân Đường Biển.
Master of Art: Cao-học văn-chương.
Mile (mi): dặm đất, đơn-vị đo chiều dài trong

hệ-thống đo lường của Mỹ và Anh, dài bằng 1.609,344 thước.
Mile, nautical: hải-lý, dài bằng 1.852 thước.
Military: quân-sự.
Military Assistance Advisory Group (MAAG): Phái bộ Cố-Vấn Quân-Sự Mỹ.
Military Assistance Command, Vietnam (MACV): Bộ Tư-Lệnh Cố-Vấn Quân-Sự Hoa-Kỳ tại Việt-Nam.
Military division: khối quân-sự-vụ.
Mit Trente: mitrailleur 30 (Pháp), súng đại-liên 30.
Mobile Riverine Force (MRF): Lực-Lượng Lưu-Động Sông Ngòi.
Mobile Support Team (MST): phân-đội bảo-trì sửa chữa, Toán Yểm-Trợ Lưu-Động.
Money: đảo Vinh-Lạc (thuộc quần đảo Hoàng-Sa).
Monitor: tiền-phong-đỉnh.
Monitor Combat: tiền-phong-đỉnh.
Mothball: chiến-hạm dự trữ được bao kín.
MRF (Mobile Riverine Force): Lực-Lượng Lưu-Động Sông Ngòi.
MSC: trục-lôi-hạm (duyên-hải).
MSO (Minesweeper, Ocean): trục-lôi-hạm đại-dương.
MST (Mobile Support Team): phân-đội bảo-trì sửa chữa, toán Yểm-Trợ Lưu-Động.

N

NAD (Naval Advisory Detachment): Phái Bộ Cố-Vấn Hải-Quân.
Napalm: bom lửa.
National Security Council (NSC): Hội-Đồng An-Ninh Quốc-Gia.
NAVFORV (Naval Forces, Vietnam): Lực-lượng Hải-Quân Mỹ tại Việt-Nam.
NavForV Command: Bộ Tư-Lệnh Hải-Quân Mỹ tại Việt-Nam.
Naval Amphibious School: Trường Thủy-Bộ Hoa-Kỳ.
Naval Advisory Detachment (NAD): Phái Bộ Cố-Vấn Hải-Quân.
Naval Combat Demolition Unit (NCDU): đơn-vị xung-kích phá hoại của Hải-Quân.
Naval Operation Support Group: Toán Yểm-Trợ

Hành-Quân Hải-Quân.
Navigator: sĩ-quan hải-hành.
NCDU (Naval Combat Demolition Unit): đơn-vị
xung-kích phá hoại của Hải-Quân.
NCS: Nữ cán-sự.
Net: mạng lưới thông-tin điện toán.
Net Laying Ship (AN): Tàu thả lưới phòng-thủ.
Ngựa trời (súng): một loại súng nội-hóa được chế-
biến từ các ống kim loại do Việt-Minh chế-tạo.
NK: Nhật-ký.
Nixonism: chủ-thuyết Nixon.
NSA (Naval Support Activity): Căn-Cứ Yểm-Trợ
Tiếp-Vận.

O

OCS (Officer Candidate School): trường sĩ-quan
trừ-bị của Mỹ.
OJT (On Job Training): vừa làm vừa huấn-luyện
thực-tập tại chỗ.
OTC (Officer of Tactical Command): sĩ-quan chỉ-huy
chiến-thuật hoặc sĩ-quan chỉ-huy toàn diện.
Officiers des Équipages (Pháp): sĩ-quan đoàn-viên.

P

Patrol Boat, River (PBR): giang-tốc-đỉnh.
PBR (Patrol Boat, River): giang-tốc-đỉnh.
Patrol Boat (WPB): tuần-duyên-đỉnh.
Patrol Craft (PC): hộ-tống-hạm.
Patrol Craft, Fast (PCF): duyên-tốc-đỉnh.
Patrol Gunboat Motor (PGM): tuần-duyên-hạm.
Patrol Torpedo, Fast (PTF): khinh-tốc-ngư-lôi-đỉnh,
khinh-tốc-đỉnh.
Pattle: đảo Hoàng-Sa.
PC (Patrol Craft): hộ-tống-hạm.
PCE (Patrol Coastal Escort): hộ-tống-hạm
PCF (Patrol Craft Fast): duyên-tốc-đỉnh.
PGM (Patrol Gunboat Motor): tuần-duyên-hạm.
Piston: pít-tông của máy. (Tiếng lóng: có thể-lực
riêng).
Platform: sàn tàu.
Platoon: trung-đội.
Polo, nón: nón trắng, tròn, của thủy-thủ.

Poncho: áo che mưa của quân-đội.
Point: vị-trí chiến-hạm trên hải-đồ.
Pont: ngành chỉ-huy của Hải-Quân
Pông tông (Ponton, tiếng Pháp): hầm nổi, cầu
tàu nổi.
Pontoon causeway: cầu nổi.
Post: trụ chống.
PRC.46: máy truyền-tin của Hoa-Kỳ.
Provincial Reconnaissance Unit (PRU): Toán Thám-
Sát Tiểu-Khu.
PRU (Provincial Reconnaissance Unit): Toán Thám-
Sát Tiểu-Khu.
PT: phúc-trình.
PTF (Patrol Torpedo, Fast): khinh-tốc-ngư-lôi-đỉnh,
khinh-tốc-đỉnh, tuần-duyên khinh-tốc-hạm.

Q

Quart: phiên hải-hành.

R

Radar Picket Destroyer (DER) : khu-trục-hạm.
Ramp: cửa đổ bộ.
Reinforce: tăng cường.
RIOTC (Riverine Inshore Operation Training Cen-
ter): Trung-tâm huấn-luyện hành-quân sông
ngòi.
River Assault Force: Lực-Lượng Xung Phong trên
sông.
River Patrol Craft (RPC): Tuần-giang-đỉnh.
River Patrol Force: Lực-Lượng Tuần-Giang.
Riverine Inshore Operation Training Center (RI-
OTC): Trung-tâm huấn-luyện hành-quân sông
ngòi.
RMK: Hãng thầu xây cất Raymond Morrison
Knudsen của Hoa-Kỳ.
Robert: đảo Cam-Tuyền (thuộc quần đảo Hoàng-
Sa).
Rocket propelled grenade (RPG): súng phóng lựu.
Route: đường.
RPC (River Patrol Craft): tuần-giang-đỉnh.
RPD: Chinese copy of Russian PK crew-served
machine gun, súng liên-thanh Nga sản-xuất

tại Trung-Cộng.
RPG (Rocket propelled grenade): súng phóng lựu.

S

SA7: hỏa-tiến địa không của Nga-Sô.
Sắc marin (sac marin, tiếng Pháp): túi quân-trang của Hải-Quân.
SACSA (Special Assistant for Counterinsurgency and Special Activities): yểm-trợ đặc-biệt cho các hoạt-động chống phiến-loạn và đặc-biệt.
Saigon Military Mission: Phái Bộ Quân-Sự Sài-Gòn.
Salvage: trục vớt tàu chìm.
SAM (Surface-to-air missile): hỏa-tiến địa không.
Save Our Souls (S.O.S): tín-hiệu cầu cứu.
SCAT/TRP, SCATTOR (Small Craft Assets, Training and Turnover of Resources Program): Chương-trình huấn-luyện và bàn giao tiểu-đỉnh.
SEAL (Sea, Air, Land): Biệt-hải, Hải-kích.
SEALORDS (Southeast Asia, Lake, Ocean, River and Delta Strategy): Chiến-Dịch Trần-hung-Đạo.
SEATO (South East Asia Treaty Organization): Liên-Minh Phòng-Thủ Đông-Nam-Á.
Self-propelled Barracks Ship (APB): Đồn-trú-hạm.
Sensor: máy điện giác.
Sergeant: Trung-sĩ của quân-đội Pháp.
Services Techniques des Constructions et Armes Navales / France Outre Mer (STCAN/FOM): Tiểu-giáp-đỉnh.
Seventh Fleet: Đệ Thất Hạm-Đội.
SKZ 57 ly: súng không giật 57 ly.
Small Craft Assets, Training, and Turnover of Resources Program (SCAT/TRP), (SCATTOR): Chương-trình huấn-luyện và bàn giao tiểu-đỉnh.
Sniper: xạ-thủ bắn sẻ.
Skipper: hạm-trưởng, thuyền-trưởng.
Sonar: máy thám-xuất.
SOG (Studies and Observation Group): Toán Nghiên-Cứu và Quan-Sát (Nha Kỹ-Thuật).
SOG (Special Operations Group): Toán Hành-Quân Đặc-Biệt.
S.O.S (Save Our Soul): tín-hiệu kêu cứu.
South East Asia Lake, Ocean, River and Delta

Strategy (Sealords): Chiến-Dịch Trần-hung-Đạo.
South East Asia Treaty Organization (SEATO): Liên-Minh Phòng-Thủ Đông-Nam-Á.
Special Assistant for Counterinsurgency and Special Activities (SACSA): yểm-trợ đặc-biệt cho các hoạt-động chống phiến-loạn và đặc-biệt.
Special Group: Toán Đặc-Biệt.
Special Operations Group (SOG): Toán Hành-Quân Đặc-Biệt.
STD (Strategic Technical Directorate): Nha Kỹ-Thuật.
Strategic Technical Service (STS): Sở Kỹ-Thuật.
Strategic Technical Directorate (STD): Nha Kỹ-Thuật.
STCAN/FOM: Services Techniques des Constructions et Armes Navales / France Outre Mer, Tiểu-giáp-đỉnh.
Straigh A's: toàn điểm A (điểm cao nhất trong bài thi của chương-trình học Hoa-Kỳ).
STS (Strategic Technical Service): Sở Kỹ-Thuật.
Studies and Observation Group (SOG): Toán Nghiên-Cứu và Quan-Sát (Nha Kỹ-Thuật).
Súng nặng 82: súng bích-kích-pháo 82 ly của Nga-Sô.
Súng ngựa trời: một loại súng nội-hóa của Việt-Cộng.
Surface-to-air missile (SAM): hỏa-tiến địa không.
Surveillance Operation Center: Trung-Tâm Hành-Quân

T

TAB: thuốc chủng ngừa thương hàn A và B.
Tango: âm-thoại truyền-tin của chữ T.
Tango (ATC, Armored Troop Carrier): quân-vận-đỉnh tác-chiến.
Tank deck: sàn chiến-xa.
Task Force: Lực-lượng đặc-nhiệm.
Task Force 115: Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 115.
Task Force 116: Lực-Lượng Tuần-Giang.
Télétype: máy viễn-ấn-tự để nhận các điện-văn không cần nhân-viên vô-tuyến.
TL/HQ: Tư-Lệnh Hải-Quân.

TLP: Tư-Lệnh-Phó.
TMP: Tham-Mutu-Phó.
TNT: Trinitrotoluene, thuốc nổ.
Toa: phiên âm chữ toi, đại danh tự ngôi thứ hai,
của tiếng Pháp, có nghĩa là anh, em, ...
Topographic Exploitation Service: Sở Khai-Thác
Địa-Hình.
Tour (Pháp): một vòng, một kỳ.
Trailer: nhà tiền-chế di-động.
Trinitrotoluene (TNT): thuốc nổ.
TTHQ (TTHhQ): Trung-Tâm Hành-Quân.
TTHQ/LĐ (TTHhQ/LĐ): Trung-Tâm Hành-Quân
Lưu-Động.
TTM: Tổng-Tham-Mutu.

U

UDT (Underwater Demolition Team): toán phá hoại
dưới nước, Biệt-Hải.
UDT (Underway Training Team): toán huấn-luyện
ngoài khơi.
Underwater Demolition: phá hủy chướng ngại dưới
nước.
Underwater Demolition Team (UDT): toán phá hoại
dưới nước, Biệt-Hải.
Underway Training Team (UDT): toán huấn-luyện
ngoài khơi.
Uniform: âm-thoại truyền-tin của chữ U.
US Brown Water Navy: Lực-Lượng Hải-Quân Sông
Ngòi của Hoa-Kỳ.
U.S. Naval Forces in VietNam (US/NAVFORV): Lực-
lượng Hải-Quân Hoa-Kỳ tại Việt-Nam.
US/NAVFORV (U.S. Naval Forces in VietNam): Lực-
lượng Hải-Quân Hoa-Kỳ tại Việt-Nam.

V

Vedette: truy-kích-đỉnh.
Vào hàng! Phắc!: Lệnh hô để chào một sĩ-quan cấp
tá của Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa.
Victor: âm-thoại truyền-tin của chữ V.
Vietnam Patrol Force: Lực-Lượng Tuần-Tiểu Việt-
Nam.
VIZH: Vùng 1 Duyên-Hải.
VIIZH: Vùng 2 Duyên-Hải.

VVZH: Vùng 5 Duyên-Hải.
VIISN: Vùng 3 Sông-Ngòi.
VIVSN: Vùng 4 Sông-Ngòi

W

Warrant Officers: Sĩ-quan đoàn-viên
Web: mạng lưới thông-tin điện toán
Wheather Coast Guard High Edurance Cutter
(WHEC): tuần-dương-hạm.
WHEC (Wheather Coast Guard High Edurance
Cutter): tuần-dương-hạm.
WHEC 2: Tuần dương hạm Trần-Quang-Khải,
HQ 2.
WHEC 3: Tuần dương hạm Trần-Nhật-Duật, HQ 3.
Withdrawal plan: kế-hoạch lui binh.
WPB (Patrol Boat, Large): Tuần-duyên-đỉnh.

X

Xây chùng: ly cà-phê đen nhỏ của các tiệm cà-phê
người Trung-Hoa ở Việt-Nam.

Y

Yabuta: ghe Thiên-Nga.
Yard Repair Berthing and Mess (YRBM): cơ-xưởng
tạm-trú-hạm.
YRBM (Yard Repair Berthing and Mess): cơ-xưởng
tạm-trú-hạm.
YMS: trực-lôi-hạm.
Youyou: Một loại xuồng nhỏ trên chiến-hạm dùng
để cấp-cứu.
YTB (Large Harbor Tug): tàu kéo, tàu dồng.

Z

Zigzag: chạy hình chữ chi.
Zippo: súng phóng hỏa trang-bị trên xe thiết-giáp
hoặc chiến-đỉnh.
Zoulou: âm-thoại truyền-tin của chữ Z, thường có
nghĩa là di-chuyển, khởi-hành.